

**UBND TỈNH HÀ NAM
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12 /STC-VP
V/v rà soát văn bản pháp luật
từ 16/06/2021 đến 30/06/2021

Hà Nam, ngày 05 tháng 07 năm 2021

Kính gửi:

- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng ban thuộc Sở.

Để phục vụ công tác tham mưu các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực quản lý tài chính của Sở được kịp thời và đạt hiệu quả tốt hơn, Văn phòng Sở đã tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, tỉnh, các đơn vị có liên quan để kịp thời nắm bắt các cơ chế chính sách mới, cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc không còn phù hợp thuộc lĩnh vực ngành tài chính cần phải tham mưu.

Văn phòng Sở báo cáo Ban Giám đốc Sở công tác rà soát một số văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực tài chính từ ngày 16/06/2021 đến ngày 30/06/2021 gồm 06 văn bản, cụ thể như sau:

- Nghị định của Chính phủ : 01 văn bản
- Thông tư của Bộ Tài chính : 05 văn bản

(Có mục lục các văn bản kèm theo)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP.

**TL. GIÁM ĐỐC
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Tạ Trung Kiên

GIỚI THIỆU VĂN BẢN MỚI LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC TÀI CHÍNH
(Từ 15/06/2021 –30/06/2021)

A- VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG

Phần I. Nghị định của Chính phủ

1. Nghị định 60/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

* Ngày ban hành : 21/06/2021

* Ngày có hiệu lực : 15/08/2021

* Nội dung chính :

Quy định về mở tài khoản giao dịch của đơn vị sự nghiệp công. Đây là nội dung tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSN công). Theo đó, việc mở tài khoản giao dịch của ĐVSN công quy định như sau:

- Được mở tài khoản tại ngân hàng thương mại (NHTM) đối với các khoản thu từ hoạt động sự nghiệp, kinh doanh, dịch vụ;

- Đơn vị nhóm 3 và nhóm 4 mở tài khoản chuyên thu tại NHTM đối với các khoản thu dịch vụ khám, chữa bệnh, dịch vụ y tế dự phòng, học phí theo mức giá quy định của cơ quan có thẩm quyền;

Định kỳ nộp vào tài khoản tiền gửi của đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước để quản lý theo quy định.

(Nhóm 3 là ĐVSN công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; Nhóm 4 là ĐVSN công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên).

- Các khoản kinh phí thuộc ngân sách nhà nước (NSNN) theo quy định gồm: kinh phí NSNN cấp, các khoản thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí và các khoản khác của NSNN (nếu có) đơn vị mở tại Kho bạc để quản lý;

- Các Quỹ được trích lập theo quy định tại Nghị định 60/2021 được gửi tiền tại NHTM để quản lý.

*** Đề nghị các phòng chuyên môn căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu các nội dung có liên quan.**

Phần II. Thông tư của Bộ Tài chính

1. Thông tư 45/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) trong quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

* Ngày ban hành : 18/06/2021

* Ngày có hiệu lực : 03/08/2021

* Nội dung chính :

Bộ Tài chính ban hành Thông tư 45/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 hướng dẫn áp dụng cơ chế Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)

trong quản lý thuế đối với DN có giao dịch liên kết. Theo đó, quy định giao dịch được đề nghị áp dụng APA như sau:

- Giao dịch được đề nghị áp dụng APA là các giao dịch liên kết được quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định 132/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

(Hiện hành, giao dịch được áp dụng APA là giao dịch kinh doanh giữa các bên có quan hệ liên kết, trừ các giao dịch kinh doanh liên quan đến hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá thuộc phạm vi điều chỉnh của Nhà nước theo quy định của pháp luật về giá).

- Giao dịch được đề nghị áp dụng APA phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

+ Giao dịch thực tế đã phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của người nộp thuế và sẽ tiếp tục diễn ra trong giai đoạn đề nghị áp dụng APA.

+ Giao dịch có cơ sở để xác định được bản chất giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế và có cơ sở để phân tích, so sánh, lựa chọn đối tượng so sánh độc lập theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định 132/2020, dựa trên các thông tin, dữ liệu tuân thủ quy định tại điểm b khoản 6 Điều 42 Luật Quản lý thuế.

+ Giao dịch không thuộc trường hợp có tranh chấp, khiếu nại về thuế.

+ Giao dịch được thực hiện minh bạch, không nhằm mục đích trốn, tránh thuế hoặc lợi dụng Hiệp định thuế.

Thông tư 45/2021/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 03/8/2021 và thay thế Thông tư 201/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013.

*** Đề nghị các phòng chuyên môn căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu các nội dung có liên quan.**

2. Thông tư 44/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt.

* Ngày ban hành : 18/06/2021

* Ngày có hiệu lực : 05/08/2021

* Nội dung chính :

Bộ Tài chính ban hành Thông tư 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt. Theo đó, quy định cụ thể các nguyên tắc xác định giá nước sạch, khung giá nước sạch, điều chỉnh giá nước sạch.

Khung giá nước sạch được quy định:

Stt	Loại	Giá tối thiểu (đồng/m ³)	Giá tối đa (đồng/m ³)
1	Đô thị đặc biệt, đô thị loại 1	3.500	18.000
2	Đô thị loại 2, loại 3, loại 4, loại 5	3.000	15.000

3	Khu vực nông thôn	2.000	11.000
---	-------------------	-------	--------

Khung giá nước sạch trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, áp dụng cho mức giá bán lẻ nước sạch bình quân do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều chỉnh giá nước sạch: Hàng năm, đơn vị cấp nước chủ động rà soát việc thực hiện phương án giá nước sạch và giá nước sạch dự kiến cho năm tiếp theo. Trường hợp các yếu tố chi phí sản xuất kinh doanh nước sạch biến động làm giá nước sạch năm tiếp theo tăng hoặc giảm, đơn vị cấp nước lập hồ sơ phương án giá nước sạch gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định điều chỉnh. Đối với trường hợp sau khi đơn vị cấp nước rà soát, giá thành 01m³ nước sạch năm tiếp theo biến động tăng ở mức đơn vị cấp nước cân đối được tài chính thì đơn vị cấp nước có công văn gửi Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giữ ổn định giá nước sạch (để biết).

Xem chi tiết trong thông tư.

*** Đề nghị các phòng chuyên môn căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu các nội dung có liên quan.**

3. Thông tư 46/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

* Ngày ban hành : 23/06/2021

* Ngày có hiệu lực : 07/08/2021

* Nội dung chính :

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần theo quy định tại của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

Thông tư này thay thế Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần

Xem chi tiết trong thông tư.

*** Đề nghị phòng tài chính doanh nghiệp căn cứ chức năng nhiệm vụ tham mưu các nội dung liên quan, các đơn vị, phòng chuyên môn khác thuộc Sở nắm để biết và phối hợp.**

4. Thông tư 48/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn biểu mẫu báo cáo giải ngân vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

* Ngày ban hành : 28/6/2021

* Ngày có hiệu lực : 15/8/2021

* Nội dung chính :

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn biểu mẫu báo cáo giải ngân vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài. Theo đó quy định chi tiết nội dung báo cáo kế hoạch giải ngân thực hiện chương trình, dự án, kế hoạch bổ sung, điều chỉnh (nếu có) nguồn vốn nước ngoài.

Cơ quan thực hiện báo cáo: Các chủ dự án/Ban quản lý dự án

Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và đầu tư, cơ quan chủ quản.

Thời hạn gửi báo cáo: Chủ dự án/Ban Quản lý dự án gửi báo cáo kế hoạch giải ngân hoặc kế hoạch điều chỉnh, bổ sung (nếu có) trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản giao, điều chỉnh, bổ sung (nếu có) kế hoạch vốn của cơ quan chủ quản.

Đối với báo cáo định kỳ tình hình giải ngân nguồn vốn nước ngoài:

Thời điểm chốt số liệu báo cáo: Hàng tháng: Số liệu báo cáo tính từ ngày 01 hàng tháng đến ngày cuối cùng của tháng báo cáo. Hàng quý: Số liệu báo cáo tính từ ngày 01 tháng đầu tiên của quý đến ngày cuối cùng của tháng cuối quý báo cáo.

Thời hạn gửi báo cáo: Hàng tháng: Trước ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo.; Đối với tháng cuối quý báo cáo trong vòng 15 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo.

Hàng quý: Trong vòng 15 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo.

Đối với Báo cáo tình hình hạch toán, ghi thu ghi chi nguồn vốn nước ngoài hàng năm

Thời hạn gửi báo cáo: Trong vòng 65 ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo.

Đối với Báo cáo kết thúc giải ngân khoản vay nguồn vốn nước ngoài

Thời hạn gửi báo cáo: Trong vòng 30 ngày kể từ khi đóng khoản vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.

*** Đề nghị các phòng chuyên môn căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu các nội dung có liên quan.**

5. Thông tư 50/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 2, điều 14 thông tư số 07/2020/TT-BTC ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính, tài sản đối với cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

* Ngày ban hành : 30/6/2021

* Ngày có hiệu lực : 16/8/2021

* Nội dung chính :

Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 07/2020/TT-BTC ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính, tài sản đối với Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài:

Chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động quy định tại Thông tư này được áp dụng cho đến khi thực hiện chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang do Chính phủ ban hành để triển khai Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

*** Đề nghị các phòng chuyên môn căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu các nội dung có liên quan.**